

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 405/QĐ-CDKTKTTS-CTHSSV

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên
Học kỳ I, năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định 5896/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 498 /QĐ-CDKTKTTS ngày 01/11/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản về việc ban hành “Quy định giải quyết chế độ trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên”;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp tiền hàng tháng học kỳ I năm học 2026-2027 (Từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026) cho những học sinh, sinh viên thuộc đối tượng:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập với mức trợ cấp: 100.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.
- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với mức trợ cấp: 140.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

(Có danh sách học sinh, sinh viên được hưởng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính, Kế toán, Đào tạo và Đảm bảo chất lượng, Trưởng các khoa, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKT;
- Đưa Website;
- Lưu: VT, CTHSSV.



TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: 405/QĐ-CDKTKTTS ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản)

TT	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
1	Nguyễn Ánh Dương	29/07/2008	255QLDN3	Là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100,000	6	600,000
2	Nguyễn Minh Đức	22/09/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
3	Trần Quốc Thái	17/07/2006	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
4	Đào Duy Tài	29/12/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
5	Ngô Nhật Anh	06/09/2009	255QLDN3	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
6	Trần Công Đô	20/12/2008	255QLDN1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
7	Nguyễn Chí Khanh	16/11/2010	255KTMT1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
8	Đỗ Thanh Trúc	14/12/2010	255NTTS1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
9	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17/07/2009	255NTTS1	Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	100,000	6	600,000
Tổng cộng							5,400,000

Ấn định danh sách có 09 học sinh

Viết bằng chữ: Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn

NGƯỜI LẬP

Trần Thị An

TP. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

ThS. Đỗ Văn Sơn

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2026-2027

*(Kèm theo Quyết định số: 405/QĐ-CDKTKTTS ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản)*

TT	Họ và	Tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
1	Dùng Thị	Buổi	07/05/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
2	Lương Tuấn	Dũng	09/07/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
3	Phản Seo	Dũng	25/02/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
4	Chào Đức	Minh	02/02/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
5	Giàng Mí	Nhù	24/07/2009	255CBTS1	HSSV ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn	140,000	6	840,000
6	Giàng Mí	Páo	17/04/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
7	Cứ A	Thái	26/12/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
8	Chẳng Thị Mai	Tuyết	03/10/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
9	Lý A	Vinh	03/07/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
10	Tần Seo	Xuân	27/05/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
11	Lềng Mạnh	Tuấn	16/08/2010	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000

TT	Họ và	Tên	Sinh ngày	Lớp	Đối tượng	Mức trợ cấp/tháng (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng số tiền (đồng)
12	Mua Mí	Hờ	10/10/2010	255CBTS1	HSSV ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn	140,000	6	840,000
13	Chào Thị	Nhi	08/07/2009	255CBTS1	HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu	140,000	6	840,000
Tổng cộng								10,920,000

Ấn định danh sách có 13 học sinh, sinh viên

Viết bằng chữ: Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn

NGƯỜI LẬP



Trần Thị An

TP. CÔNG TÁC HSSV



ThS. Đỗ Văn Sơn

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hạnh